

Bản án số: 81/2021/HS-ST
Ngày: 23-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Nguyên

2/ Bà Lê Thị Hoàng Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xét xử Hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 83/2021/TLST - HS ngày 02/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST – HS ngày 06/4/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tấn Th**, sinh năm 1968 tại tỉnh Q; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 8, thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Q; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn H (chết); họ và tên mẹ: Võ Thị Bích S (chết); Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo sống như vợ chồng với bà Lương Thị S và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/9/2020 (đầu thú), bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Cổ phần Thương mại H.

Địa chỉ: 230 LTH, Phường H, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1967 (có đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn N, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

2. Ông Trần Đức Ph sinh năm 1983; nơi cư trú: A1 SVT, Phường K, Quận M, Thành phố H (vắng mặt).

3. Ông Hồ Hữu C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh A (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969; nơi cư trú: 2/136A ấp Đ, xã H, huyện C, Thành phố H (vắng mặt).

5. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1941; nơi cư trú: D5/30 Khu phố K, thị trấn T, huyện B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Th được Công ty Cổ phần thương mại H (sau đây gọi tắt là Công ty) tuyển dụng vào làm việc, được phân công nhiệm vụ là nhân viên kinh doanh làm việc tại Chi nhánh 9 của Công ty tại địa chỉ D5/40 khu phố K, thị trấn T, huyện B, Thành phố H; Thùy có nhiệm vụ đi thu tiền của khách hàng rồi mang về giao nộp lại cho Chi nhánh 9 của Công ty.

Ngày 13/3/2008, qua đối chiếu công nợ với khách hàng, ông Cao Tôn Ph (giám đốc Chi nhánh 9 Công ty) phát hiện Nguyễn Tấn Th đã được phân công nhận tiền của khách hàng nhiều lần nhưng không giao lại cho Công ty hoặc giao không đầy đủ số tiền đã nhận của khách hàng, chiếm đoạt tiền của Công ty H nhiều lần với tổng số tiền là 74.891.000 đồng, cụ thể:

Ngày 15/01/2008, Thùy nhận của ông Hồ Hữu C (chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng U) tại xã T, huyện H, tỉnh A, số tiền hàng là 55.000.000 đồng, nhưng chỉ giao nộp về cho Chi nhánh 9 Công ty H là 40.000.000 đồng, chiếm đoạt 15.000.000 đồng.

Ngày 16/01/2008, Th nhận của ông Nguyễn Văn B (Doanh nghiệp tư nhân V, trụ sở tại ấp Đ, xã H, huyện C, TP H) tại đường Nguyễn Chí T, Quận K, Thành phố H, số tiền hàng là 14.891.000 đồng nhưng không giao nộp về cho Chi nhánh 9 Công ty H mà chiếm đoạt tiêu xài.

Ngày 21/01/2008, Th nhận của ông Trần Đức Ph (chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng N) tại xã L, huyện B, tỉnh A, số tiền hàng là 5.000.000 đồng nhưng không giao nộp về cho Chi nhánh 9 Công ty H mà chiếm đoạt tiêu xài.

Ngày 21/01/2008, Th nhận số tiền 30.000.000 đồng của Công ty H tại Chi nhánh 9 của Công ty (thị trấn T, huyện B), để trả tiền thuê mặt bằng cho ông Phan Văn Đ nhưng sau đó Thùy chiếm đoạt số tiền này tiêu xài rồi giả chữ ký của ông Đ ký nhận vào phiếu chi của Công ty mang về nộp cho Công ty.

Ngày 02/02/2008, Th tiếp tục nhận của ông Hồ Hữu C (chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Y) tại xã Đ, huyện H, tỉnh A, số tiền hàng là 10.000.000 đồng nhưng không giao nộp về cho Chi nhánh 9 Công ty H mà chiếm đoạt.

Sau khi đối chiếu công nợ với kế toán Công ty H, Nguyễn Tấn Th đã bỏ trốn nên ông Ph đến Công an huyện B tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Thùy và giao nộp các tài liệu chứng cứ thể hiện việc Thùy đã nhận tiền của khách hàng, của Công ty H.

Tại kết luận giám định về chữ viết, chữ ký số 09/KLGD-TT ngày 9/01/2009 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H, kết luận:

“Chữ viết – chữ ký cần giám định trên tài liệu thu được (đối chiếu công nợ ghi ngày 21/01/2008, Phiếu thu của Công ty H ghi ngày 16/01/2008), chữ viết – chữ ký cần giám định tại dòng “Hình thức thanh toán” và tại mặt sau trên tài liệu thu được (biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty H ghi ngày 15/12/2007) với chữ viết – chữ ký của Nguyễn Tấn Th dùng làm mẫu so sánh, là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Chữ ký “Đưng” dưới mục “Người nhận tiền” trên “Phiếu chi”, tài liệu (Phiếu chi của Công ty H, ghi ngày 21/01/2008), không cùng dạng chuyển động với chữ ký của Nguyễn Tấn Th dùng làm mẫu so sánh nên không tiến hành giám định.

Chữ ký “Đưng” dưới mục “Người nhận tiền” trên “Phiếu chi”, tài liệu (Phiếu chi của Công ty H, ghi ngày 21/01/2008) với chữ ký “Đưng” dưới mục “Người nhận tiền” dùng làm mẫu so sánh và trên “Bản thu mẫu chữ ký” là chữ không do cùng một người ký ra”.

Ngày 24/02/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Tấn Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngày 24/5/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can, ra Lệnh truy nã đối với Nguyễn Tấn Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngày 01/9/2020, Nguyễn Tấn Th đến Công an huyện M, tỉnh N đầu thú và được di lý về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Thành phố H để phục hồi điều tra, tiếp tục xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thì Nguyễn Tấn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ: 01 Biên bản giao nhận hàng ngày 15/12/2007; 01 Phiếu thu ngày 16/01/2008; 01 mẫu giấy ghi nội dung đối chiếu công nợ ngày 21/01/2008; 01 Phiếu chi ghi ngày 21/01/2008; 01 hợp đồng lao động; 01 sơ yếu lý lịch, 01 bản mẫu thu chữ ký Phan Văn Đưng ngày 4/6/2008; 03 Phiếu chi số 640, 641, 642 ngày 02/4/2008 (đính kèm hồ sơ vụ án).

Tại bản Cáo trạng số 87/CT - VKS ngày 31 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Th về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Tấn Th đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Th từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn thể hiện bị cáo và gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Tấn Th tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (bl: 134 – 148); phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Hùng Cường là người đại diện theo pháp luật của bị hại (bl: 78 – 85); phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các ông bà Trần Thị Mai L, Trần Đức Ph, Hồ Hữu C, Nguyễn Văn B và ông Phan Văn Đ; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ

án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, vật chứng thu giữ, kết quả giám định chữ viết...cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Tấn Th được Công ty Cổ phần thương mại H tuyển dụng vào làm việc theo Hợp đồng lao động số 40/40 ngày 01/01/2005, với công việc là nhân viên kinh doanh được phân công làm việc tại Chi nhánh 9 của Công ty tại địa chỉ D5/40 khu phố K, thị trấn T, huyện B, Thành phố H. Thùy có nhiệm vụ đi thu tiền của khách hàng rồi mang về giao nộp lại cho Chi nhánh 9 của Công ty. Trong khoảng thời gian từ 15/01/2008 đến ngày 02/02/2008, bị cáo được giao nhiệm vụ đi lấy tiền hàng về giao nộp cho Công ty nhưng bị cáo đã không mang về giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ số tiền đã nhận từ khách hàng về cho Công ty mà đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của Công ty với tổng số tiền 74.891.000 đồng dùng để tiêu xài cá nhân sau đó bỏ trốn.

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tấn Th đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm được quy định tại Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố H đã truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, làm mất lòng tin trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là trên 50.000.000 đồng (74.891.000 đồng) là thuộc trường hợp định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo. Trong 05 lần chiếm đoạt tiền của bị hại, số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều trên 4.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần Hội đồng xét xử áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo; cũng như sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn trong việc điều tra giải quyết vụ án nên khi lượng hình có mức án nghiêm đối với bị cáo.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc đến các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo ra đầu thú, đã khắc phục hậu quả, được bị hại làm đơn bãi nại

cho bị cáo. Xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 Biên bản giao nhận hàng ngày 15/12/2007; 01 Phiếu thu ngày 16/01/2008; 01 mẫu giấy ghi nội dung đối chiếu công nợ ngày 21/01/2008; 01 Phiếu chi ghi ngày 21/01/2008; 01 hợp đồng lao động; 01 sơ yếu lý lịch, 01 bản mẫu thu chữ ký Phan Văn Đựng ngày 4/6/2008; 03 Phiếu chi số 640, 641, 642 ngày 02/4/2008 sẽ tiếp tục bảo lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 140; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Th 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2020.

Về dân sự: Ghi nhận bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Tiếp tục bảo lưu hồ sơ vụ án 01 Biên bản giao nhận hàng ngày 15/12/2007; 01 Phiếu thu ngày 16/01/2008; 01 mẫu giấy ghi nội dung đối chiếu công nợ ngày 21/01/2008; 01 Phiếu chi ghi ngày 21/01/2008; 01 hợp đồng lao động; 01 sơ yếu lý lịch, 01 bản mẫu thu chữ ký Phan Văn Đựng ngày 4/6/2008; 03 Phiếu chi số 640, 641, 642 ngày 02/4/2008 (vật chứng này đang lưu hồ sơ vụ án).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Sơn